

LỊCH SỬ GIÁO DỤC

1. Hiện tượng giáo dục thời nguyên thủy
2. Giáo dục thời kì chiếm hữu nô lệ
3. Giáo dục phong kiến
4. Giáo dục tư bản chủ nghĩa
5. Giáo dục xã hội chủ nghĩa
6. Các cuộc cải cách giáo dục
7. Xu thế phát triển giáo dục

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chân dung những nhà cải cách GD tiêu biểu trên thế giới (2005), NXB Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên-2005): Lí luận giáo dục học VN. NXB ĐHSP
3. Roger Gal (1971): Lịch sử giáo dục. NXB Trẻ, Sài Gòn.

1. Đào Huy Oánh (2004), *Sơ lược lịch sử giáo dục*, NXB ĐHQG TP. HCM.
2. Viên Chấn quốc (Bùi Minh Hiền dịch - 2001): *Luận về cải cách giáo dục*. NXB ĐHSP, Hà Nội.
3. Hà Nhật Thăng-Đào Thanh Âm (1998): *Lịch sử giáo dục thế giới*. NXB GD, Hà Nội.
4. Nguyễn Mạnh Tường (1995): *Lý luận giáo dục châu Âu*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Các tài liệu về lịch sử triết học

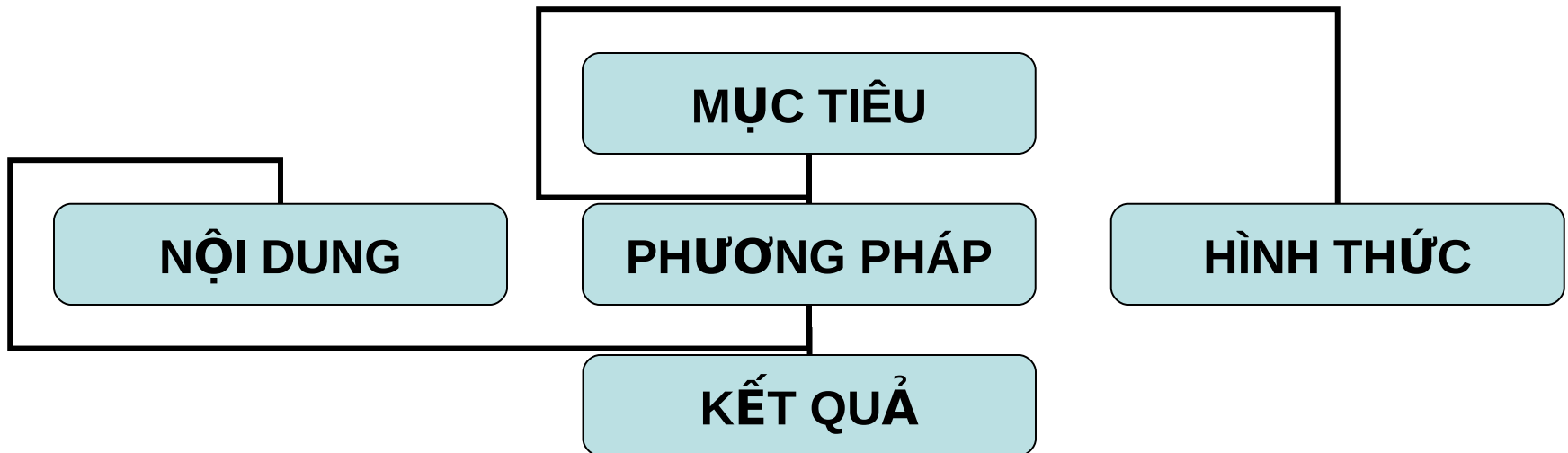
CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH

1. Quan hệ giữa sự phát triển xã hội và giáo dục.
2. Đặc điểm xã hội và đặc điểm giáo dục của các thời kì lịch sử.
3. Tư tưởng giáo dục của các nhà triết học và giáo dục.
4. Sự biến đổi của giáo dục.
5. Đổi mới giáo dục hiện nay.
 - Mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục, người dạy, người học, nhà trường.

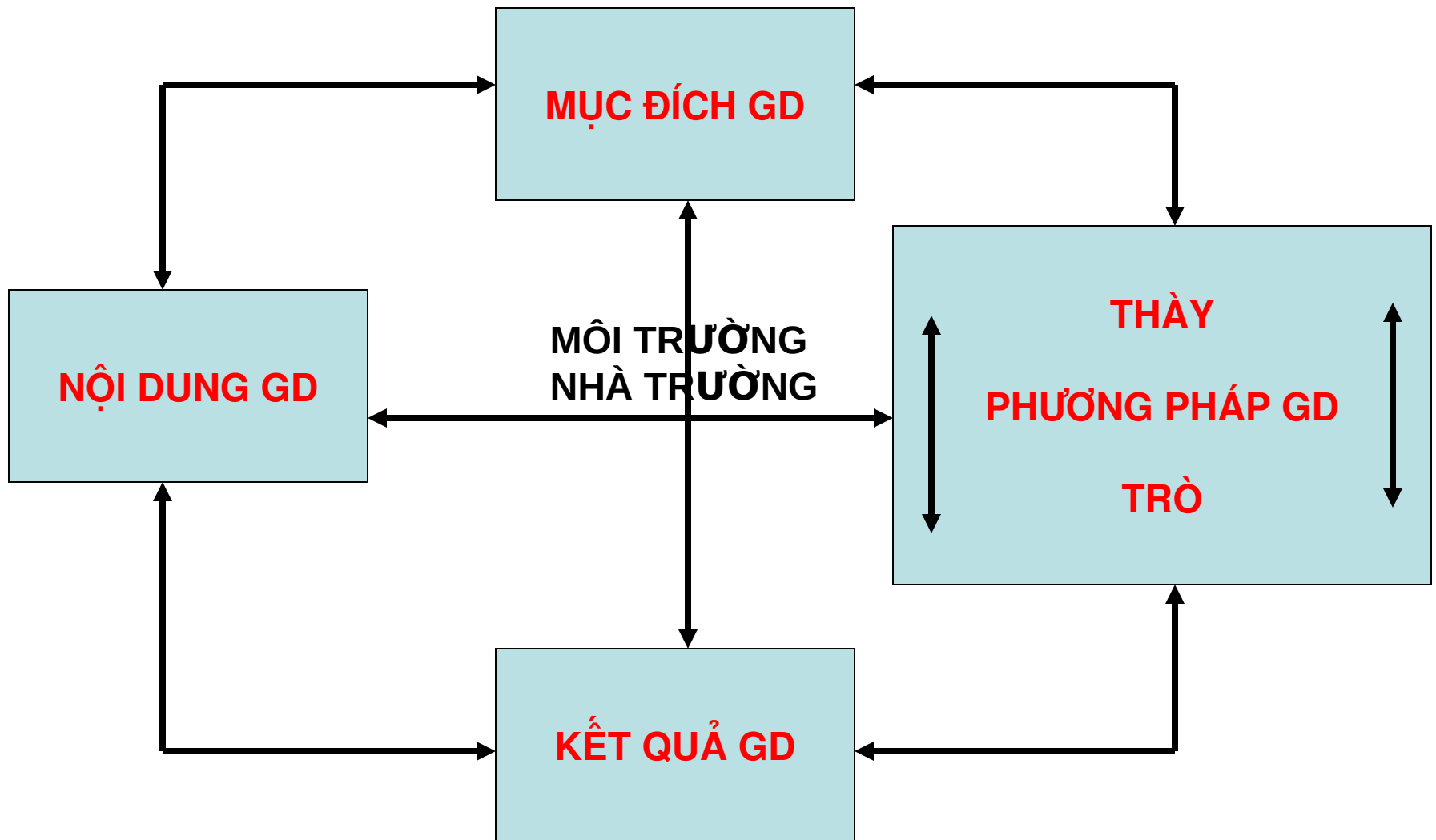
GIÁO DỤC?

Truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm

- Quá trình
- Hoạt động
- Công nghệ



MÔI TRƯỜNG KINH TẾ-XÃ HỘI



MÔI TRƯỜNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ

LỊCH SỬ GIÁO DỤC

- Lịch sử là diễn biến có thật của sự vật, hiện tượng. Sự xuất hiện, tồn tại và biến đổi của sự vật, hiện tượng.
- Nghiên cứu lịch sử cần phải trả lời được các câu hỏi:
 1. LSGD là diễn biến của giáo dục qua các thời kì lịch sử
 2. Nghiên cứu LSGD để biết được sự xuất hiện, tồn tại và biến đổi của thực tiễn GD và tư tưởng GD, từ đó có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc nghiên cứu và thực hiện công tác giáo dục hiện nay và định hướng đổi mới GD...

GIÁO DỤC THỜI CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY

- ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI

- Xã hội công xã nguyên thủy kéo dài hàng triệu năm.
- Sống dựa vào tự nhiên. Lao động rất đơn giản như săn bắn, hái lượm với công cụ chủ yếu chế tạo từ đá, cây và xương thú.
- Cuộc sống thấp kém, đói rét, bệnh tật và sự yếu đuối trước tự nhiên là nguyên nhân chủ yếu của sự phát triển rất chậm thời kì này.

- Xã hội thị tộc, đùm bọc nhau theo dòng mậu hệ.
- Bước chuyển quan trọng của người nguyên thủy là chuyển từ săn bắn, hái lượm sang trồng trọt và chăn nuôi.
- Việc tìm ra lửa là phát kiến vĩ đại của người nguyên thủy.

Lửa, lao động và sự phát triển của công cụ lao động cùng với ngôn ngữ đã làm phát triển xã hội nguyên thủy.

- Cuối thời kì này gia đình xuất hiện và xã hội thay đổi.

• HIỆN TƯỢNG GIÁO DỤC THỜI NGUYÊN THỦY

- Kinh nghiệm lao động và sinh hoạt xã hội được tiếp thu trực tiếp trong cuộc sống.
- Học gắn liền với sự tồn tại, lao động và sinh hoạt xã hội.
- Học bằng cách quan sát, bắt chước; tự nhiên, bột phát, thực tiễn, hành động là cách học của con người nguyên thủy.
- Chưa có trường học và người dạy
- Cuối thời kì này mới bắt đầu xuất hiện những người chuyên lo cho công việc GD.
- Nội dung giáo dục là những kinh nghiệm sản xuất, chống lại sự khắc nghiệt của tự nhiên, thú dữ, phong tục tập quán, lễ nghi tôn giáo, luật lệ công xã.
- Phương pháp GD là lĩnh hội trực tiếp, phương tiện chủ yếu là lời nói, trực quan và hoạt động thực tiễn.

2. Giáo dục thời kì chiếm hữu nô lệ

- Đặc điểm xã hội
- Đặc điểm giáo dục
- Giáo dục ở Ấn Độ cổ đại
- Giáo dục ở Ai Cập cổ đại
- Giáo dục ở Ba Tư
- Giáo dục của dân tộc Do Thái
- Giáo dục ở Hy Lạp
- Tư tưởng giáo dục
 - Xô-crát (469-399 TCN.)
 - Đê-môcrit (460-370 TCN.)
 - Platôn (427-348 TCN.)
 - Aristốt (384-322 TCN.)

ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI CHIẾM HỮU NÔ LỆ

- Sản xuất chủ yếu là nông nghiệp,
- Công cụ lao động: đá, đồng, sắt, các động vật đã được thuần dưỡng,
- Xã hội có giai cấp đối kháng,
- Phân hóa giàu nghèo, đẳng cấp: Tầng lữ, quý tộc, chủ nô, điền chủ, thường dân, nô lệ.
- Nhà nước phục vụ cho quyền lợi của tầng lớp trên

Đặc điểm giáo dục

- Xuất hiện nhà trường là nơi chăm sóc giáo dục cho con chủ nô, đào tạo người lính.
- Xuất hiện những người làm nhiệm vụ giáo dục.
- Tồn tại hai loại GD:
 - ❖ Giáo dục của tầng lớp trên
 - ❖ Giáo dục của những người bình dân và nô lệ.
- GD mang tính giai cấp.

2.1. Giáo dục ở Ai Cập cổ đại

- Thực hành nghề nghiệp của những người bình dân,
- Giáo dục trí tuệ sơ đẳng: tập đọc, viết, làm toán, hình học.
- Giáo dục cao đẳng dành cho các tu sĩ, những nhà kiến trúc và sau cùng là thư kí.
- Các tu sĩ nắm giữ khoa học (thiên văn, toán học, cơ học và y học) và ý tưởng tôn giáo.
- Phương pháp dạy học là bắt chước và đào luyện trí nhớ, đôi khi học toán dưới dạng trò chơi.
- Kỉ luật được duy trì bằng roi vọt

2.2. Giáo dục ở Ấn Độ

- Giáo dục theo kiểu chân truyền: **Sư phụ-Đồ đệ**
- Nội dung giáo dục thiên về tôn giáo (kinh Vệ đà)-văn phạm (chữ Phạn), thi ca, triết lí và luật pháp kiểu tôn giáo, y khoa, thiên văn, toán học.
- Phương pháp chủ yếu là đào luyện trí nhớ, học thuộc lòng, không chú trọng thể dục
- Có sự giảng dạy theo kiểu tập thể sơ cấp và các giảng tập viên, học nhóm

2.3. Giáo dục ở Ba Tư

- Giáo dục mang tính quý tộc và quân phiệt.
- Nên giáo dục do quốc gia đảm trách: đưa trẻ ra khỏi gia đình lúc 7 tuổi được nuôi nấng và canh chừng trong nhà chung.
- Giáo dục thể chất, quân sự, rèn luyện để trở thành người lính.

2.4. Giáo dục Do Thái

- Kinh thánh chứa đựng các vấn đề giáo dục.
- Đầu tiên là do người mẹ,
- Sau đó ở nhà thờ trẻ học đọc, viết, âm nhạc, khiêu vũ và đào luyện về tôn giáo.
- coi trọng giáo dục và người thầy.
- chú ý giáo dục cả các em nữ.
- Học toán, thiên văn, văn chương, địa lý, lịch sử, triết học, kinh thánh

2.5. Giáo dục ở Hy Lạp Cổ đại

- Giáo dục quân sự ở Spart chủ yếu là phát triển thể chất, kỹ năng chiến đấu, tư cách công dân: tính tập thể, yêu nước.
- Giáo dục tự do và nhân bản ở Athens
 - Người mẹ là nhà GD đầu tiên của trẻ,
 - Chú ý tính toàn diện,
 - Các khoa học: kiến trúc, điêu khắc, thiên văn, triết lí, toán học, y học, sinh học, hóa học, vật lý... đều phát triển và được truyền đạt.
 - Dành cho các nhà khoa học những điều kiện nghiên cứu thuận lợi.

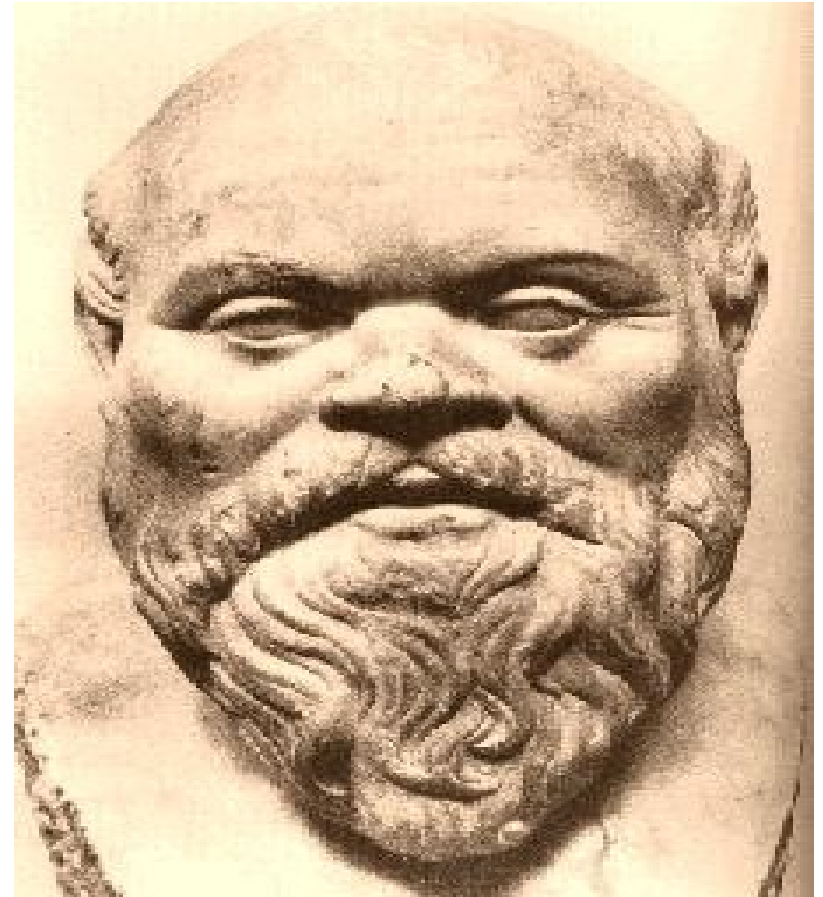
Xôcrát (469-399 trcn).

- Theo trường phái duy tâm chủ quan
- Nổi tiếng về sự hoài nghi và cách dạy học hỏi – đáp để tự tìm ra chân lý.

Phương pháp hỏi – đáp được gọi là “*thuật đờ đẻ*” hay là “*phương pháp Xôcrát*”

- Từ tìm hiểu sự vật hiện tượng cụ thể dẫn dắt đến kết luận

Xôcrát (469-399 trcn)

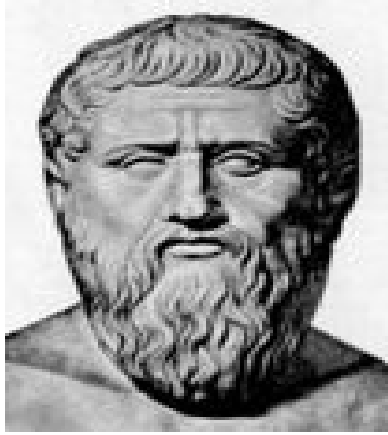




Đêmôcrit (460-370 trcn)

- Theo quan điểm duy vật
- Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất thì mới có kết quả tốt.
- Đề cao việc học tập tri thức tự nhiên
- Không muốn giáo dục tôn giáo cho trẻ em

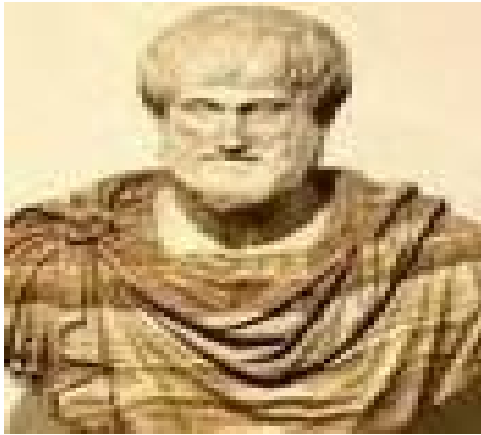




Platon (427-348 Tcn.)

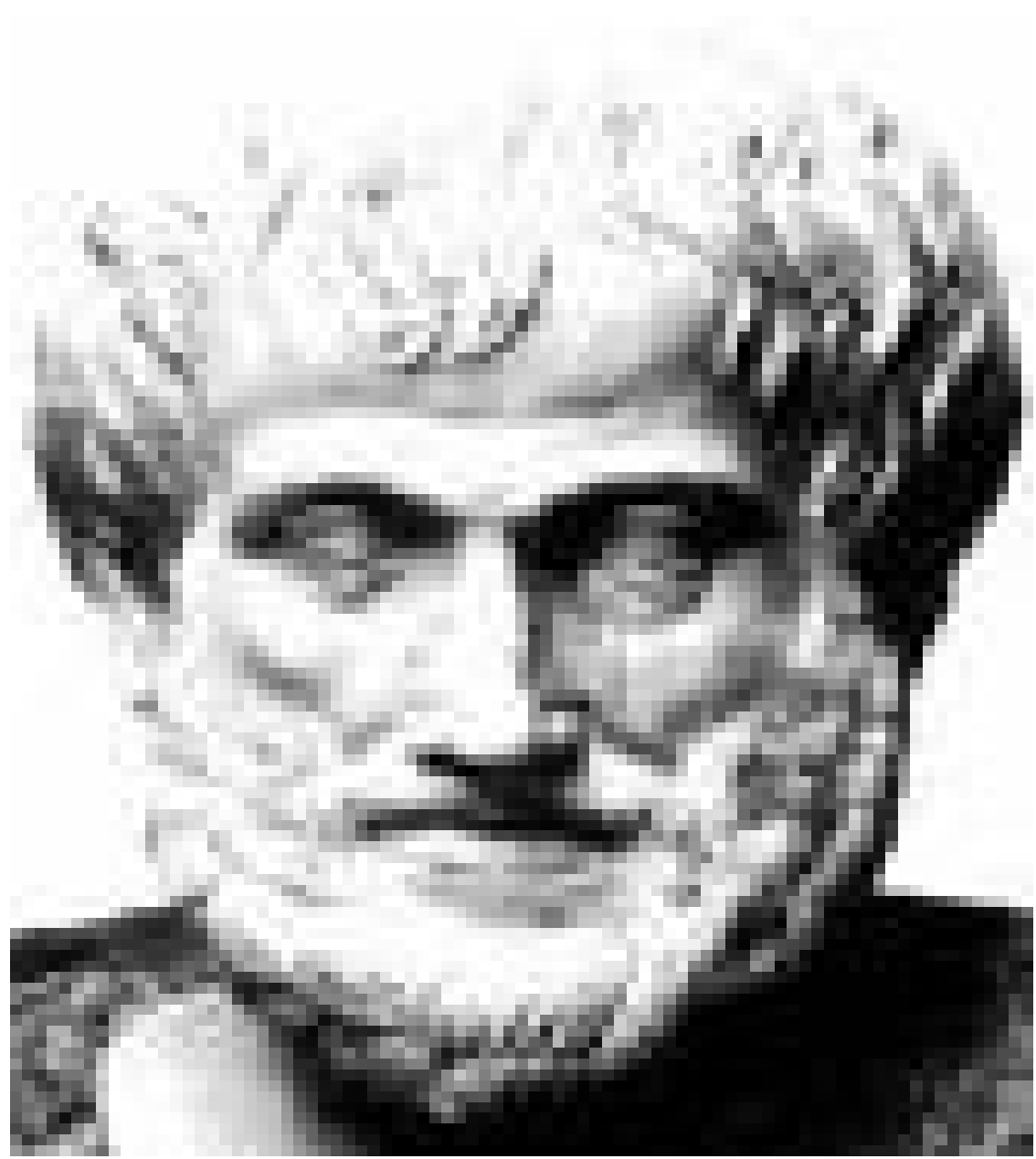


- GD giúp cho con người có lý trí.
- Giáo dục mẫu giáo theo cách của người mẹ.
- Trẻ lớn có thể học ở trường và ngoài trời.
- GD có chọn lọc cho phù hợp với khả năng của từng người, ai giỏi thì được học lên mãi.
- Người giỏi nhất sẽ được chọn để đứng đầu nhà nước.
- Đánh giá cao vai trò của GD.
- GD là nhiệm vụ của tất cả mọi người, của toàn xã hội.
- GD con người là cả quá trình lâu dài.



Aristot (384-322 Tcn.)

- Con người có 3 thành tố: xương thịt, ý chí và lí trí; vì vậy nội dung GD phải tương ứng như: có GD thể chất, đạo đức, trí tuệ.
- Trẻ em phát triển qua 3 thời kì: 0-7 tuổi; 7-14; 14-21 có những đặc điểm riêng; chú ý tuổi dậy thì (14).
- Đánh giá cao vai trò của GD gia đình, của người mẹ.



2.6. Giáo dục ở La Mã

- Tiếp thu nền văn minh Hy Lạp.
- Quan tâm GD gia đình và pháp luật.
- Kích thích học tập bằng hình phạt.
- Phương pháp học chủ yếu là bắt chước.
- Dạy ngoại ngữ cho HS.
- Đã loại bỏ một phần khoa học và nghệ thuật của Hy Lạp.

Quách Ty Liêng (118-42 Tcn.)

- Chú ý GD ngôn ngữ.
- Quan tâm lời nói, hùng biện.
- Tạo cho trẻ niềm vui học tập.
- Kết hợp học tập và nghỉ ngơi, vui chơi giải trí.
- Chống lại lối dạy học bằng roi vọt.
- Chú trọng thuyết phục.
- Thầy giáo phải yêu mến học trò

2.7. Giáo dục Trung Hoa cổ đại

- Kể từ 3000 năm Tcn. Nền văn minh Trung Hoa xuất hiện.
- GD chịu ảnh hưởng nhiều của Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo.
- **Nho giáo:**

Khổng Tử → Tăng Tử → Tử Tư

Mạnh Tử → Đổng Trọng Thư → Chu Hy →

KHỔNG TỬ (551-479 TrCN)



Khổng Tử (551- 479 Tcn.)

+Mục đích GD: Nhân nghĩa, trung chính
Quân tử phải học đạo để thương người, trị người.

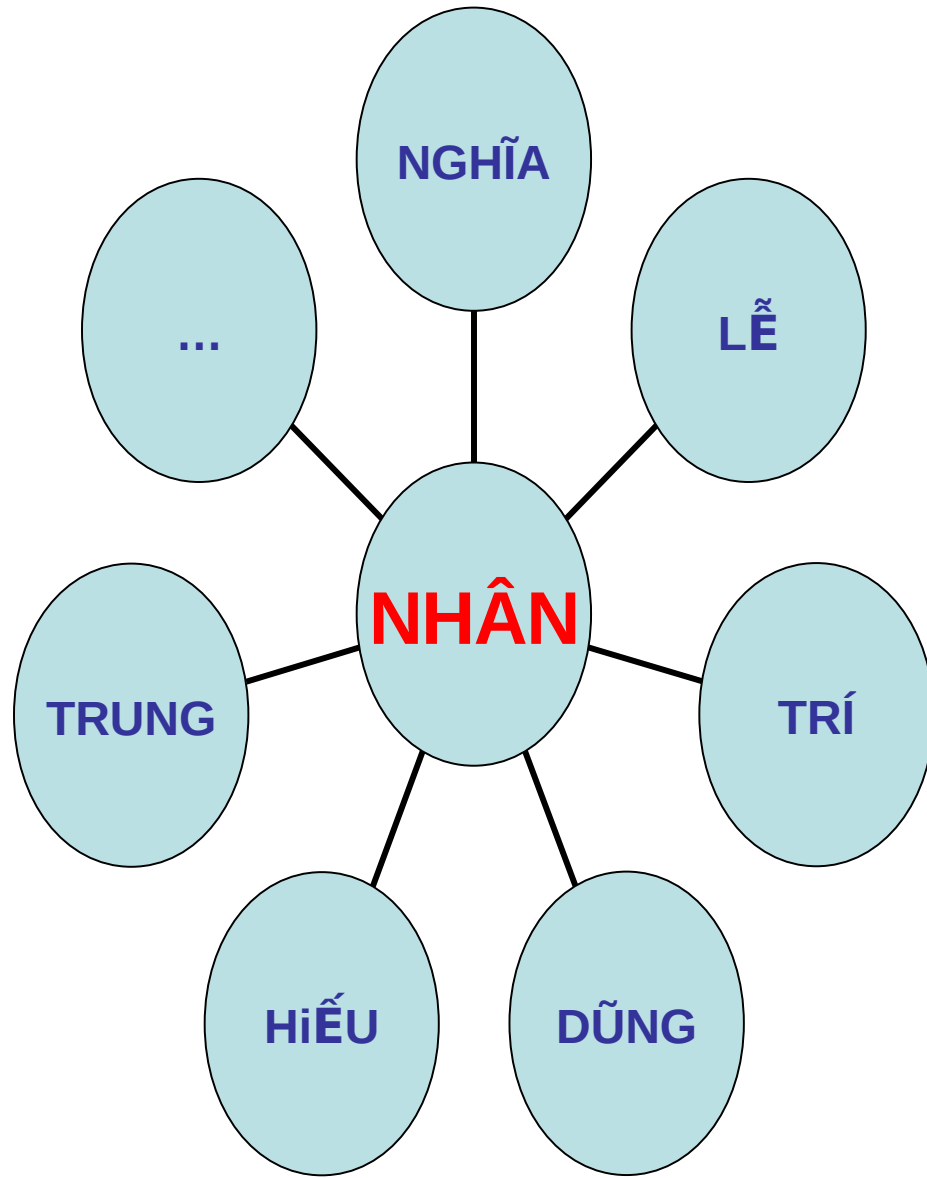
Tiểu nhân học đạo để dễ sai khiến, biết phục tùng.

GD làm cho dân giàu, nước mạnh

GD phục vụ chính trị: đức trị và tu thân

+Nội dung GD: Đạo – đức

Trung tâm là Nhân





- Nhân là đức làm người vừa tu nhân vừa ái nhân.
- Hiếu: yêu người nhà thì mới biết yêu người ngoài
- Trung với nước.
- Nghĩa: việc gì đáng làm thì làm, không hề mưu tính cái lợi cho mình cũng không cần biết hậu quả ra sao, không cố chấp.
- Lễ là ngọn, nhân là gốc, làm điều nhân cho mình chứ đâu do người.
- Có sáng suốt thì mới có đức nhân, biết giúp người mà không hại người và hại mình (trí).

- Khổng Tử nói cho Tử Lộ biết 6 đức bị che lấp:
 - Ham đức nhân mà không ham học thì bị che lấp là ngu muội,
 - Ham đức trí mà không ham học thì bị che lấp là phóng đảng,
 - Ham đức tín mà không ham học thì bị che lấp là bị tổn hại,
 - Ham đức ngay thẳng mà không ham học là bị che lấp là gắt gao,
 - Ham đức dũng mà không ham học thì bị che lấp là loạn động,
 - Ham cương cường mà không ham học thì bị che lấp là cuồng bạo.

- PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

- Phù hợp với đối tượng

- Hỏi-đáp

- Ví von, dẫn chứng, liên hệ thực tế

- Phát huy tính tích cực

- Quan hệ thầy trò thân thiện

Mạnh Tử (479-381 Trcn)



- Phát triển tư tưởng của Khổng Tử.
- Theo thuyết tính thiện (nhân chi sơ tính bản thiện): biểu hiện ở 4 đức: **nhân-nghĩa-lễ-trí**; đề cao nhân nghĩa. Con người vốn có lòng trắc ẩn (thương xót), tu ố (then ghét), từ nhượng (cung kính), thi phi (phân biệt phải trái).
- Giáo dục phải theo chuẩn mực, phép tắc đã được định ra do các Thánh hiền.
- Người học phải chuyên tâm, trì chí, khiêm tốn và cầu tiến.
- Chú ý lương tâm, sự hổ thẹn và tùy đối tượng.
- Không vì lợi mà vì nhân

Mặc Tử (479-381 Trcn.)

- Suốt đời hăm hở, kiên nhẫn làm việc nghĩa.
- Chủ trương **“kiêm ái”**
- Nhận biết đúng sai bằng tam biểu: **thiên chí, minh quý và thánh vương xưa, tai mắt của trăm họ.**
- Chú trọng lý do tại sao, để làm gì.
- Phê phán chiến tranh, sự giằng dữ và hung bạo.
- Phê phán Nho giáo; không chú ý đến lợi ích, phân biệt..
- **Bản tính con người như một tấm lụa trắng, sau này tấm lụa ấy thành màu gì là do người đời và cuộc đời nhuộm nên.**

Pháp gia

- Nho gia lấy nhân-nghĩa-lễ-trí-tín, Mặc gia lấy “kiêm ái” để trị nước, còn Đạo gia theo “vô vi nhị trị”, thì Pháp gia đề cao pháp luật trong phép trị nước.
- Đại biểu cho Pháp gia là: Quản Trọng-Thận Đáo-Thân Bất Hại-Thương Ương-Hàn Phi Tử.

Pháp gia

- Nho gia lấy nhân-nghĩa-lễ-trí-tín, Mặc gia lấy “kiêm ái” để trị nước, còn Đạo gia theo “vô vi nhị trị”, thì Pháp gia đề cao pháp luật trong phép trị nước.
- Đại biểu cho Pháp gia là: Quản Trọng-Thận Đáo-Thân Bất Hại-Thương Ương-Hàn Phi Tử.

❖ **Quản Trọng (TK VI Trcn.)**

Đề cao luật-hình-lệnh-chính

- Luật là để định danh phạt cho mỗi người,
- Lệnh là để cho dân biết việc mà làm,
- Hình là để trừng trị những kẻ làm trái luật và lệnh,
- Chính là để sửa cho dân theo đường ngay lẽ phải.
- Luật pháp phải công khai rõ ràng, dạy cho dân biết luật pháp và khi thi hành phải giữ lòng tin đối với dân.
- Khi đề cao luật pháp Ông chú trọng đến đạo đức-lễ-nghĩa-liêm trong quản lý.

Quản Trọng là thủy tổ của Pháp gia, đồng thời là cầu nối Nho gia với Pháp gia.

Thân Bất Hại (401-337 Trcn.)

- Đề cao “*thuật*” trong quản lý; là phương pháp, thủ đoạn của người cầm quyền, là cái bí hiểm không được lộ ra cho cấp dưới biết là cấp trên có sáng suốt hay không, biết nhiều hay biết ít, yêu hay ghét ai, ham muốn cái gì hay không... Nếu không cấp dưới sẽ đề phòng, nói dối, lừa gạt cấp trên.
- Chủ trương ở cương vị nào thì phải làm đúng chức trách bổn phận của mình, ngoài cái đó ra nếu có biết thêm gì cũng không nên nói ra.

Thận Đáo (370-290 Trcn.)

- Đề cao “thế” trong quản lý. Hiền và trí không đủ để cấp dưới phục tùng nhưng quyền thế và địa vị đủ khuất phục được người.
- Chủ trương tập quyền, cấm không được lập bè đảng, phân biệt và quy định rõ địa vị, quyền hạn của các tầng lớp người trong xã hội cho rõ ràng.

Thương Ưởng (TKIV, Trcn.)

- Đề cao “*pháp*” trong quản lý. Pháp luật phải nghiêm, ban bố cho mọi người đều biết, ai cũng phải thi hành, có tội thì phải phạt, phạt nặng thì mới răn đe được.
- Đặt ra lệnh cáo gian, cáo sai thì bị tội, cùng nhau chịu trách nhiệm; thưởng hậu mà xác thực, phạt nặng mà cương quyết.
- Tổ chức liên gia thực hiện chính sách cáo gian; thực hiện thưởng cho người có công, phạt người phạm tội; quý tộc mà không có chiến công thì hạ xuống dân thường.

Hàn Phi Tử



Hàn Phi Tử (280-233 Trcn.)

- Thống nhất “**pháp-thế-thuật**” trong quản lý.
- **Pháp** (điều luật, luật lệ, quy định mang tính nguyên tắc) là hiến lệnh chép ở công đường để bề tôi theo đó mà làm, công khai rõ ràng.
- Không có thứ pháp luật nào luôn luôn đúng. Cho nên phải thay đổi cho phù hợp
- Bản chất con người là ích kỷ, tự tư tự lợi, thù ghét tai họa nên phải từ đó mà định ra pháp luật, thưởng phạt.
- Pháp là để cứu loạn cho dân, trừ họa cho thiên hạ, khiến cho kẻ mạnh không lấn kẻ yếu, đám đông không hiếp đáp số ít.

- **Thế**: là địa vị, thế lực, quyền uy của người cầm đầu, là sức mạnh của dân, mọi người nhất nhất tuân theo pháp lệnh của vua, kể cả lời nói và tư tưởng.
- **Thuật** là phương pháp điều hành: bổ nhiệm, kiểm tra và thưởng-phạt.
 - Chủ trương “tham nghiệm” để khảo sát nhận thức có đúng không:
 - Khảo sát từng mặt của sự vật,
 - Sử dụng sự vật để đối chiếu với nhau, so sánh để quyết định riêng rẽ một loại ý kiến nào đó là chính xác hay không.
 - Mọi thứ nhân, trung, tín, hiếu... đều được xây dựng trên cơ sở tính toán lợi hại cho cá nhân.

Giáo dục ở xã hội phong kiến

- ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI
 - Nền kinh tế dựa vào tự nhiên, tự cung, tự cấp-nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
 - Có giai cấp đối kháng, bóc lột (quí tộc, địa chủ-nông dân).
 - Quyền uy độc tôn của vua, chúa.

Giáo dục phong kiến phương Đông

Từ năm 221 Trcn. Tần Thủy Hoàng đã thống nhất và xây dựng nhà nước phong kiến chuyên chế trung ương tập quyền ở Trung Hoa và giữa TKXX mới chấm dứt chế độ phong kiến.

-Điển hình của giáo dục phong kiến phương Đông là GD phong kiến Trung Hoa.

-Nho giáo trở thành công cụ thống trị

Tam cương: vua-tôi, cha-con, chồng-vợ

Ngũ thường: nhân-nghĩa-lễ-trí-tín

Tam tông, tứ đức...

-Người dân được đưa vào trong các tập quán, tục lễ...

-Việc học theo công thức học-thi-làm quan.

-Học thuộc lòng là chủ yếu.

Đổng Trọng Thư (180-105 Trcn.)

- Khuyên Hán Vũ đế độc tôn Nho giáo mang đậm màu sắc chính trị duy tâm khắc nghiệt. Sau này trở thành khuôn mẫu đạo đức xã hội của các triều đại phong kiến Trung Hoa và một số nước khác ở Châu Á.
- Trời và người hợp nhất, vua thay trời để thi hành đạo. Thu hẹp vị thế của dân, mở rộng vị thế của vua, duy trì sự tôn nghiêm quân quyền, thu hẹp vị thế của vua, mở rộng vị thế của trời.
- Đề cao dương, hạ thấp âm
- Về hình thức là đức trị nhưng thực chất nội dung là pháp trị (trong pháp ngoài nho).
- Tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức (nam: hiếu, đễ, trung, tín; nữ: công, dung, ngôn, hạnh).
- Đề cao trung quân

Chu Hy (1130-1200)

- Tư tưởng duy tâm khách quan
- Tam cương, ngũ thường là “*thiên lý*” có trước xã hội. Chỉ có thánh nhân và thiên tử mới có đủ và phát huy “*thiên lý*”.
- Quan hệ thiên-địa-nhân chỉ có thiên tử là đủ tư cách đại diện cho con người thông qua với trời đất.
- 3 luận điểm về tri hành:
 - Tri đi trước hành,
 - Hành quan trọng hơn tri,
 - Tri và hành khác nhau nhưng có mối quan hệ khăng khít
- Phân biệt “*thiên lý*” và “*nhân dục*”:
 - Thiên lý đối lập với tư dục, chủ trương bảo vệ thiên lý, xóa bỏ nhân dục.
 - Giàu, nghèo, sang, hèn, giỏi, dốt, thọ, yếu đều do khí chất trời trao mà sinh ra.

Nhận xét về Nho giáo thời phong kiến

- Nho giáo góp phần xây dựng các triều đại phong kiến vững mạnh, củng cố ý thức tự cường.
- Đã sản sinh ra tầng lớp nho sĩ kiệt xuất.
- Hướng nhân dân vào ham học, giỏi thích nghi với hoàn cảnh và sự thay đổi, sống giản dị, tiết kiệm, tu dưỡng đạo đức theo ngũ thường.

- Duy trì trật tự, kỷ cương, tôn ti từ gia đình đến cộng đồng, thống nhất ứng xử xã hội bền chặt cho việc hình thành và phát triển nhân cách của con người.
- Củng cố tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên từ gia đình đến họ hàng, làng nước.
- Góp phần duy trì quá lâu chế độ phong kiến phương Đông.
- Coi nhẹ thương nghiệp, trọng nông.
- Tạo tâm lý an phận.
- Không thúc đẩy phát triển khoa học-công nghệ.

GIÁO DỤC PHONG KIẾN PHƯƠNG TÂY (476-1648)

- Chế độ PK phương Tây ra đời chậm hơn so với phương Đông.

- **Thiên Chúa giáo**

- ❖ Ý tưởng về tình anh em đại đồng

Thánh Paul nói "không còn người Hy Lạp hay Do Thái nữa; không còn người đàn ông hay đàn bà nữa; tất cả quý vị đều chỉ là một xuyên qua Chúa Jesus.

- Đào luyện con người cho chính nó và cho Thượng đế.
- Lãnh đạo với khoa học và kỹ thuật, nhưng thêm vào là việc học thuộc lòng Kinh thánh và hát Thánh ca; thêm vào chủ nghĩa nhân bản Thiên Chúa giáo.
- Những trường học về thần học, văn phạm và tu từ pháp là trung tâm của GD cao đẳng nhằm đào tạo các tín đồ của đức tin mới, những nhà điều khiển và phục vụ Giáo hội.
- Lao động và cầu nguyện là hai quy tắc vàng của nhiều tu viện.

- Do sự phát triển của Thần học nên đã xuất hiện các trường đại học nổi tiếng thế giới sau này như:

-Viện ĐH Bale (1200)

-Đại học Oxford (1206)

-Naples (1224)

-Cambridge (1231)

-Montpellier (1283)

-Lisbonne (1290)

Heidelberg, Cologne, Viên, Prague,...

GIÁO DỤC TRUNG CỔ

- Trường học mọc lên xung quanh nhà thờ.
- Nội dung học tập là Thần học, văn phạm
- Phương pháp dạy học là thuyết trình và học thuộc lòng, dựa vào trí nhớ là chủ yếu.
- Duy trì nỗ lực và kỉ luật học tập bằng các hình phạt.
- Giáo viên là các thầy tu được đào luyện rất chu đáo.
- Ngoài ra còn xuất hiện các gia sư kèm cặp thêm cho học trò.

- **HỌC NGHỀ:**

Thế kỷ XII, XIII các đoàn thể nghề nghiệp có tổ chức việc học nghề dưới dạng: Thợ cả-Thợ phụ

- **Giáo dục HIỆP SĨ:** Phát triển thể chất và thực hành, giáo dục quân sự, ca hát, âm nhạc, xã giao, phát triển các đức tính phong nhã, tôn trọng phụ nữ và ái tình tao nhã

GD ở Ả Rập (TK IX-XIII)

- Bảo tồn triết lý và khoa học của Hy Lạp cổ đại: đại số, số học, lượng giác, thiên văn, hoá học với thuật luyện kim, vật lý, y học với khoa mổ xẻ. Ở Bagdad có thư viện rất lớn; các tác phẩm của Platon, Arixtot, Ptolemee, Euclid, Archimed được lưu giữ ở đây bằng tiếng Ả Rập. Ở Tây Ban Nha trường học mọc lên như nấm. Sau đó sự hiểu biết Hy Lạp-Ả Rập lần lần được phổ biến từ Tây Ban Nha sang Âu châu

GD THỜI PHỤC HƯNG

- Từ thế kỷ thứ 13: Kinh tế công thương nghiệp phát triển mạnh làm cho chủ nghĩa cá nhân và tự do vượt ra khỏi khuôn khổ của nhà thờ và vua chúa...
- Các môn khoa học tự nhiên dần dần được đưa vào nhà trường.
- Do sự tự do và ham muốn hiểu biết của người học đã nảy sinh sự nghi ngờ khả năng của Chúa
- Những cuộc thánh chiến, khám phá và thám hiểm của Marco polo, Ch.Colombo, Magiellan làm cho mở rộng tầm nhìn ra thế giới hiện thực, những sáng chế như kính viễn vọng, la bàn, máy in (Gutenberg 1440) và các đô thị thương mại đã đẩy con người thời đó nổi loạn chống lại Giáo hội về mặt tư tưởng và khoa học...

- Phong trào Phục hưng bao gồm phong trào nhân văn chủ nghĩa và phong trào cải cách tôn giáo quay về với Hy-La cổ đại; thời kỳ đấu tranh chống lại lối giáo dục uy quyền, roi vọt, mù quáng, máy móc để khám phá thế giới, thiên nhiên, vui sống với khát khao hiểu biết và tự do...

Các nhà GD:

- Erasm,
- Rabelais,
- Montaigne,
- Luther,
- Calvin,
- Tomat Moro,
- Bacon,
- Decac,
- Comenski...

JAN AMOS COMENSKI (1592-1670)

Ông Tổ của GIÁO DỤC HỌC thế giới với 140 tác phẩm lớn nhỏ (tác phẩm nổi tiếng nhất là: khoa sư phạm vĩ đại)

Dạy học phù hợp với trình độ và độ tuổi, vừa sức, theo quy luật tự nhiên, chú ý tính hệ thống, cân đối, hài hoà của chương trình học



Coi trọng cả GD trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, công nghệ, phát huy hứng thú, tích cực, độc lập, từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó, trực quan, coi trọng kỷ luật tự giác, đề cao vai trò của thầy giáo, tiếng mẹ đẻ, chủ trương giáo dục sớm, tôn giáo và tự do gắn liền với nhau, bình đẳng, nhân đạo...

*Hình thức dạy học lớp – bài

*Phân chia tuổi học thành 4 giai đoạn:

- Dưới 7 tuổi,
- 7-12,
- 13-18,
- 18-24 tuổi

Giáo dục tư bản chủ nghĩa (1648-1789-1871-1945)

Lịch sử phát triển của tầng lớp tư sản

- Sự phát triển giao thông và nông nghiệp, trồng dâu, nuôi tằm làm phát triển sản xuất tơ lụa và các ngành công nghiệp mới được hình thành (len, dạ, thảm, thủy tinh...).
- Nước Anh đưa những người không có việc làm ra nước ngoài sinh sống và phát triển chủ nghĩa thực dân, bóc lột thuộc địa, tìm nguyên liệu và xuất khẩu hàng hóa.
- Quý tộc địa chủ phát triển sản xuất hàng hóa ở nông thôn.

- Bước chuyển biến quan trọng nhất là tích lũy vốn và thành lập các công trường thủ công. Bước thứ hai là sự phát triển của khoa học, kỹ thuật đã làm phát triển sản xuất hàng hóa và xã hội công nghiệp.
- Tầng lớp tư sản giàu lên nhanh chóng và họ bắt đầu xen vào hàng ngũ quý tộc: dùng tiền để mua chức tước và dùng chức tước để làm giàu, bóc lột.
- Tư sản Anh đã lật đổ vua Charles I (1648)

- Đặc điểm GD:

- *Mang màu sắc chính trị, giai cấp, phân biệt.

- *Các tư tưởng tiến bộ đấu tranh cho một nền GD công cộng, miễn phí, bình đẳng cho mọi người. Lý luận sư phạm và KH GD được chú trọng, nội dung GD toàn diện, chống ép buộc và coi thường nhân cách trẻ.

Cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) đã muốn xây dựng một nền GD công cộng do quốc gia chịu trách nhiệm. Thiết lập 3 cấp học: phổ thông, nghề nghiệp và nhân tài.

Các nhà GD Pháp đã nêu ra những vấn đề tiến bộ như:

- Không giao phó giáo dục cho những người do chính phủ tuyển chọn; bởi vì họ sẽ làm cho GD sai lệch theo chủ quan vì vị thế và lợi ích riêng của họ.
- Chương trình học bao gồm các khoa học tự nhiên, xã hội, toán và đạo đức.
- Gần trường học có thư viện công cộng, vườn hoa, phòng lịch sử thiên nhiên, phòng thí nghiệm...
- Cho học sinh lựa chọn những môn học theo hứng thú và khả năng của họ. Nội dung GD phản ánh hiện thực cuộc sống và đi trước hiện thực.
- Thành lập các trường sư phạm để đào tạo giáo viên ở Pari (tồn tại được vài tháng).

CÁC LOẠI NHÀ TRƯỜNG

- Nhà trường mới (1889-Reddie)
- Nhà trường lao động (cuối TKXIX-Kerchensteiner)
- Thực nghiệm (cuối TKXIX - Binet)
- GD thực dụng (cuối TKXIX – Dewey)

JOHN LOCKER (1632-1704)

- Phát triển các tư tưởng triết học của Descartes coi cảm giác là bước khởi đầu của nhận thức và Bacon, rất say mê khoa học, y học và giáo dục
- Ông cho rằng 9/10 bản chất con người là do GD tạo nên
- GD cần phải đào tạo con người phong nhã, hoạt bát, lịch thiệp, mạnh khỏe, có đức tính thương gia, coi trọng thể dục và kỹ thuật.

- Chú trọng tính tích cực, tự do, dịu tươi và lạc thú
- Nghệ thuật GD là phải kích thích học trò bằng kêu gọi lòng tự ái, tự trọng, chân thực và tin ở chúa.
- Coi trọng khen thưởng và trách phạt phù hợp tâm lý.
- GD chủ yếu bằng việc làm, chú trọng quan sát và thực hành, chú ý ảnh hưởng của môi trường, đối tượng, gương mẫu của người lớn, xen kẽ vui chơi và học tập.
- Chống lại lối học thuộc lòng máy móc, quyền uy phong kiến

JEAN JACQUES ROUSSEAU (1712-1778)

- Chịu ảnh hưởng nhiều của sách vở, có cảm tính khác lạ, tinh thần tự do và cộng hoà, bất khuất, thù ghét bất công, áp bức và những kẻ quyền quý, lẩn lộn trong cuộc sống bình dân, có tâm hồn cao quý, ước mơ về sự công bằng, bác ái, bình đẳng.
- Chống lại cái xấu xa của xã hội, của người lớn lúc bấy giờ thì mới giữ được cho tâm hồn trẻ sự cao quý, trong sạch của trạng thái tự nhiên.



- Theo ông GD bắt nguồn từ 3 nguồn gốc: **thiên nhiên, con người và sự vật**
- Xuất phát từ cảm tính và sau đó chịu ảnh hưởng của cảm tính
- Chú trọng lợi ích, cuộc sống thực, luyện tập các giác quan, tính hệ thống, gia đình, tự do và tự nhiên.
- GD bắt đầu từ lúc lọt lòng mẹ.
- Con người tự nhiên.
- Người cha hoặc là người tài giỏi làm gia sư cho con trẻ.
- Không nên tập nói cho trẻ quá sớm vì sẽ lấn át ý niệm.

- Không tạo cho trẻ một thói quen nào bởi vì sẽ mất đi tự do và sức lực.
- Chịu đựng đau đớn là điều đầu tiên và cần thiết nhất mà trẻ em cần học.
- Muốn tìm hiểu phải quan sát.
- Quan tâm đến cả quyền lợi và bổn phận của trẻ. Dạy cho trẻ quyền tư hữu.
- Phần nhiều trẻ nói dối là do người lớn. Nói dối quá khứ và nói dối về tương lai đều không tốt. Bắt ép trẻ nói thật chẳng qua là dạy trẻ nói dối. Càng tự do càng ít nói dối.
- Không nên khẳng định điều gì về trẻ kể cả xấu hay tốt (khen hay chê).
- Trẻ vui chơi không có nghĩa là trẻ không học

- Xuất phát từ lợi ích, từ cuộc sống thực của trẻ mà trẻ muốn học và học được.
- Để cho trẻ làm chủ, có quyền điều khiển mình chứ không phải người khác điều khiển. Nhưng phải canh chừng và ngăn ngừa những ảnh hưởng xấu không có lợi cho trẻ.
- Cho các em quen với bóng tối để các em không sợ.
- Luyện tập các giác quan: có sự lệ thuộc của con mắt, bàn tay, cái tai, cái miệng.
- Chú ý giáo dục gia đình, để cho trẻ tự do, sống thực với chính mình.

THẢO LUẬN

- 1. Khổng Tử**
- 2. Hàn phi Tử**
- 3. Komenski**
- 4. Rút Xô**
- 5. Mác-Ang-en-Lê Nin**
- 6. Dewey**
- 7. Lý thuyết văn hóa quản lý của trường phái quản lý Nhật bản**

THẢO LUẬN

- Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử
- Lý thuyết quản lý khoa học
- Lý thuyết quản lý hành chính - tổ chức
- Trường phái tâm lý - xã hội trong quản lý
- Lý thuyết về mối quan hệ con người
- Lý thuyết hành vi trong quản lý
- Trường phái định lượng về quản lý
- Lý thuyết văn hóa quản lý của trường phái quản lý Nhật bản

JOHANN HCHORICH PESTALOZZI (1746-1827)


- Lập trại cô nhi viện năm 1774; áp dụng vừa học vừa làm và trường học cho trẻ em nghèo năm 1818. Suốt đời ham mê GD cho những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; mong muốn sử dụng GD để cải biến xã hội
- coi trọng thể dục, lao động, trí dục và GD đạo đức, kết hợp lý luận với thực tiễn, GD với LĐSX, nhân ái, vai trò GD của người mẹ, tâm lý hoá GD, hệ thống hoá tri thức

KONXTANTIN ĐÔMITRIEVIC USINXKI (1824-1870)

- Dạy học năm 22 tuổi, có tư tưởng dân chủ, tiến bộ, 1859 ra nước ngoài nghiên cứu về các lĩnh vực giáo dục và tình hình GD phụ nữ, viết sách GDH, 1867 về nước. Mất 1870 vì bệnh lao phổi.
- Có công lớn trong việc đưa giáo dục học, giáo học pháp, thực tập sư phạm vào chương trình đào tạo giáo viên. Quan niệm GD là vì xã hội, lương thiện và nhân đạo, kết hợp lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, dân tộc và nhân loại. Chú trọng GD đạo đức, chủ nghĩa yêu nước, nhân đạo, niềm tin, kỷ luật, lao động, các khoa học tự nhiên; dạy học không chỉ là nghệ thuật mà còn là khoa học cả ở nội dung và phương pháp dạy học, trực quan và ôn tập thường xuyên.
- coi trọng việc đào tạo giáo viên, đề xướng xây dựng trường sư phạm với quy trình đào tạo sư phạm. Người đời sau xem ông là thầy của các ông thầy Nga

Fukuzava Yukichi (1835-1901)

Nhà canh tân giáo dục Nhật Bản thời Minh Trị

Đưa những thể chế và tư tưởng giáo dục của phương Tây vào Nhật Bản: Dạy các ngành khoa học thực tiễn của phương Tây, mở trường tư thục - dạy học theo chương trình và phương pháp mới  Thay đổi GD của Nhật Bản

Tư tưởng giáo dục của chủ nghĩa MAC-LENIN

- Xây dựng học thuyết duy vật biện chứng về sự hình thành và phát triển xã hội, trong đó có GD
- Quan hệ biện chứng giữa phát triển GD và XH
- Bản chất của con người và quy luật hình thành và phát triển nhân cách
- Mục đích GD là phát triển nhân cách toàn diện
- Vai trò của quần chúng và trách nhiệm lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp GD...

PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT VÀ SỰ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN GIÁO DỤC

Phê phán phép biện chứng trước C.MÁC:

Không nhìn thấy quá trình biện chứng của sự vận động và biến đổi của sự vật hiện tượng.

Tiếp thu phép biện chứng (duy tâm khách quan) của G.V. Ph.Hêghen (1770-1831), *“Đối với tôi, thì trái lại, ý niệm chẳng qua là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó”* .

Phê phán chủ nghĩa duy vật trực quan, siêu hình của L.Phơbách, C.Mac viết: *“Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội.”*

- Vai trò của hoạt động đối với nhân cách: “Hoạt động sinh hoạt có ý thức trực tiếp phân biệt con người với hoạt động sinh hoạt của động vật”. “Trong lao động, tất cả sự khác nhau về tinh thần và xã hội của hoạt động cá nhân bộc lộ ra”.
- Quan hệ giữa môi trường và nhân cách: “Con người tạo ra hoàn cảnh trong chừng mực nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người trong chừng mực ấy”.
- Lao động đã sáng tạo ra con người.
“Trước hết là lao động, sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ. Đó là hai sức kích thích chủ yếu ảnh hưởng đến bộ óc của con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần biến chuyển thành bộ óc của con người”.

Sự tha hoá của lao động và giao tiếp đã tha hoá con người. Cần phải đấu tranh chống lại sự tha hoá này.

Những vấn đề cơ bản của phép biện chứng duy vật

- **Hai nguyên lý**
 1. Mỗi liên hệ phổ biến của sự vật hiện tượng
 2. Sự vận động, biến đổi và phát triển biện chứng của sự vật hiện tượng
- **Ba quy luật cơ bản, chung nhất về sự vận động, biến đổi và phát triển của thế giới**
 1. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập (mâu thuẫn)
 2. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại.
 3. Quy luật phủ định của phủ định

SÁU CẶP PHẠM TRÙ

- 1. Cái riêng và cái chung**
- 2. Nguyên nhân và kết quả**
- 3. Nội dung và hình thức**
- 4. Tất nhiên và ngẫu nhiên**
- 5. Bản chất và hiện tượng**
- 6. Khả năng và hiện thực**

LÝ LUẬN NHẬN THỨC

1. BẢN CHẤT CỦA NHẬN THỨC.

Công lao của C.Mac và F.Engnen là đã dựa vào thực tiễn lịch sử-xã hội, những thành tựu của khoa học tự nhiên và tiếp thu có phê phán kho tàng tri thức của nhân loại để nghiên cứu và xây dựng nên lý luận về nhận thức

Nhận thức không phải cái gì khác mà là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong ý thức của con người, là sự sản sinh ra trong ý thức hình ảnh của cái khách quan.

2. Thực tiễn là cơ sở và động lực của nhận thức

3. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý khách quan

Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức hiện thực khách quan.

4. Vấn đề chân lý: Chân lý khách quan, chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối, chân lý cụ thể, thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý...

5. Logic học và phương pháp nhận thức KH.

MỤC ĐÍCH GIÁO DỤC

- Tư tưởng về con người phát triển toàn diện và sự phát triển toàn diện con người
 1. Yêu cầu khách quan của xã hội công nghiệp hiện đại đối với con người
 2. Ước mơ về con người toàn diện và phát triển toàn diện của con người
 3. Điều kiện và khả năng phát triển toàn diện con người

NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TOÀN DIỆN

- Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất,
- Lý luận gắn liền với thực tiễn,
- Học đi đôi với hành,
- Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục của gia đình và xã hội.

VLADIMIA ILICH LENIN

- Giáo dục có tính giai cấp, là công cụ đấu tranh giai cấp
- Tổ chức nhà nước Xô Viết và giáo dục: giáo dục công cộng, miễn phí...
- Giáo dục cộng sản cho thanh niên
- Thầy giáo là người quyết định phương hướng tư tưởng của bài giảng
- Lý luận nhận thức...

GIÁO DỤC Ở LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU ĐẾN NĂM 1990

- Giáo dục công dân
- Giáo dục lao động cộng sản
- Giáo dục kỹ thuật tổng hợp
- Giáo dục tập thể
- Giáo dục vô thần
- Thống nhất giáo dục do nhà nước quản lý và bảo trợ
- Các tổ chức chính trị xã hội tham gia giáo dục (đặc biệt là Đoàn thanh niên)
- Bình đẳng trong giáo dục của nam và nữ...

ANTON XEMIONOVIC MAKARENKO (1888-1939)

- Những tác phẩm lớn:
 1. Bài ca sư phạm
 2. Những ngọn cờ trên đỉnh tháp
 3. Phương pháp giáo dục công sản
 4. Các buổi nói chuyện được người đời sau tập hợp thành Tuyển tập về A.X.Makarenko



- **Logic sư phạm**

1. Tính biện chứng sư phạm
2. Quy luật sư phạm; qui nạp kinh nghiệm toàn vẹn (logic qui nạp, tính hệ thống của sự vận dụng kinh nghiệm...); logic diễn dịch: mục tiêu, tập thể và xã hội...
3. Quá trình sư phạm

- **Mục tiêu giáo dục**

1. Lý tưởng sư phạm
2. Giáo dục nhân cách: nghề nghiệp, tính cách, phẩm chất cá nhân liên quan tới cuộc sống cá nhân và xã hội cộng sản.

- **Nội dung giáo dục**

1. Giáo dục trí tuệ: sáng tạo, lợi ích...
2. Giáo dục đạo đức: nề nếp, kỷ luật tự giác, chủ nghĩa tập thể
3. Giáo dục lao động: tập thể, lợi ích chung, vận dụng tri thức, đạo đức lao động
4. Giáo dục thể chất
5. Giáo dục thẩm mỹ

Quan hệ biện chứng của nội dung giáo dục

- **Giáo dục tập thể**

1. Quan niệm về tập thể và tập thể học sinh
2. Tập thể là môi trường và phương tiện GD
3. Chủ nghĩa tập thể
4. Các giai đoạn phát triển tập thể học sinh
5. Tập thể cơ sở
6. Các biện pháp tổ chức và xây dựng tập thể học sinh

- **Phương pháp giáo dục**

1. Phương pháp giáo dục cá biệt
2. Phương pháp tác động cá nhân
3. Phương pháp tác động song song
4. Phương pháp bùng nổ sư phạm
5. Thi đua
6. Giao việc
7. Khen thưởng
8. trách phạt
- ...

- Niềm tin sư phạm
- Nghệ thuật sư phạm
- Viễn cảnh
- Tổ chức quá trình sư phạm
- Quản lý giáo dục
- Một số vấn đề khác

.....

JOHN DEWEY(1859-1952)

- Người đi tiên phong trong phong trào vận động cải cách GD và là đại biểu của lý luận GD hiện đại:
 - kêu gọi sự gắn kết giữa lý thuyết và thực hành,
 - Dân chủ là tự do,
 - Nhà trường là xã hội,
 - GD là cuộc sống,
 - Lấy hoạt động của người học làm chính yếu.



- Ông đã dập tắt ngọn lửa mà Ru Xô đã nhen nhóm: xây dựng một nền GD mang tính hiệu quả và lợi ích, tính chủ động của người học và liên hệ với đời sống.
- Dewey phê phán GD truyền thống đã thất bại khi cố gắn kết chương trình học với hứng thú và hoạt động của HS
- Công kính những người theo chủ trương GD lấy HS làm trung tâm do họ không gắn kết được những hứng thú và hoạt động của HS với chương trình học.

- Dewey cũng chỉ trích những người theo chủ nghĩa lãng mạn đã nguy hiểm cho rằng năng lực và ý thích tức thời của trẻ là có tầm quan trọng lớn.
- Ông chủ trương đưa chủ đề học vào kinh nghiệm thực tế.
- Nhưng để dạy được như thế đòi hỏi phải có những giáo viên giỏi; họ phải là những người có trình độ chuyên môn cao, hiểu biết thấu đáo chủ đề học, được đào tạo đầy đủ về tâm lý học lứa tuổi và sư phạm, khéo léo trong kỹ thuật đưa ra những tác nhân kích thích cần thiết để chủ đề học trở thành một phần trong sự trải nghiệm ngày càng mở rộng của HS.

- Chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi thuyết tiến hoá của Đác uyn, ông cho rằng: GD là sự sinh trưởng, kinh nghiệm là kết quả của sự tác động lẫn nhau giữa cơ thể con người và hoàn cảnh, chỉ có chân lý có tác dụng đối với bản thân thì đó mới là chân lý. Ông nhấn mạnh hành động, thao tác, tri thức thu nhận được qua hành động, học bắt đầu từ làm.

- **Dewey đưa ra 5 bước của tư duy:**
 1. Hoàn cảnh nghi vấn khó xử lý
 2. Chỉ ra điểm nghi vấn khó xử lý là ở đâu?
 3. Xác định các phương pháp giải quyết vấn đề (giả thuyết)
 4. Nghĩ ra kết quả bao hàm trong mỗi loại giả thuyết, xem giả định đó có thể giải quyết được vấn đề không (suy lý)

5. Chứng thực cách giải quyết được con người tin dùng hoặc chứng minh sai lầm của cách giải quyết làm cho con người không tin dùng (thử nghiệm)
- Ông tin rằng GD có thể cải tạo xã hội, cải cách GD là phương pháp cải tạo xã hội.

JEAN PIAGET (1896-1980)

- Khoa học luận về phát sinh: hiểu biết nảy sinh từ đâu? kiến thức là một quá trình hơn là một tình trạng, có mối quan hệ giữa người biết và cái được biết. Người biết thay đổi thì cái được biết cũng thay đổi.
- Tự học theo Piaget: Nếu dạy cho trẻ cái mà nó có thể tự biết thì đã gạt nó ra khỏi sự phát minh ra cái đó và như thế sẽ không hiểu được đầy đủ cái đó.
- Bản chất của các cấu trúc tâm trí thay đổi trong quá trình phát triển. Cấu trúc này tương tác đặc biệt với môi trường.



Sự phát triển nhận thức diễn ra qua một loạt các giai đoạn: Kết quả của mỗi giai đoạn nhận thức là một sự thăng bằng, mỗi sự mất thăng bằng là sự học. Các giai đoạn tiếp nối nhau và sát nhập vào nhau, làm lại, tạo ra cấu trúc mới, cái trước không còn ý nghĩa nữa, không thể quay lại (khác với quan niệm của Freud là có thể thoái lui nếu bị tràn ngập bởi lo ngại).

- Piaget chia ra 4 thời kỳ phát triển với các giai đoạn cụ thể:
 1. Thời kỳ giác động (từ khi sinh đến 2 tuổi)
 2. Thời kỳ tiền thao tác (2-7 tuổi)
 3. Thời kỳ thao tác cụ thể (7-11 tuổi)
 4. Thời kỳ thao tác chính thức (11-15 tuổi)

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI THẦY GIÁO

- Thời kỳ chuyển giao trực tiếp tri thức từ thầy đến trò...
- Thời kỳ tìm kiếm phương thức, phương pháp truyền đạt...
- Thời kỳ biên soạn sách giáo khoa...
- Thời kỳ học tập và hướng dẫn.
- Giai đoạn của giáo khoa: thầy giáo làm môi giới cho trò và sách
- Giai đoạn của tài liệu tham khảo: Sách giáo khoa và bổ sung thêm là các tài liệu tham khảo và dụng cụ trực quan...
- Học bằng kinh nghiệm bản thân: Tri thức có ở trong quan hệ của con người với môi trường

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ NHẤT

- Thời kỳ Phục hưng cho đến cao trào vào đầu thế kỷ 20 với công lao của nhiều nhà triết học, giáo dục và cao trào là Ru Xô và Dewey: Chuyển giáo dục truyền thống: lấy chương trình học làm trung tâm, áp đặt, ép buộc sang giáo dục hiện đại: GD, nhà trường gắn với cuộc sống, chú trọng hoạt động của người học, hứng thú và niềm vui, lợi ích của việc học

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ HAI

- **Nguyên nhân**

1. Xuất hiện hai hệ thống xã hội: Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa.
2. Hậu quả của chiến tranh thế giới lần thứ 2 và thay đổi ở các nước: Đức, Ý, Nhật.
3. Những thành tựu khoa học-công nghệ của Liên Xô với vệ tinh nhân tạo năm 1957.

- **Nội dung cải cách**

1. Tiếp cận sự phát triển của khoa học - công nghệ,
2. Tăng thời lượng học các môn khoa học tự nhiên,
3. Tăng cường tính tích cực xã hội,
4. Chú ý tư duy hệ thống,
5. Đào tạo nhân tài,
6. Đầu tư nhiều cho GD...

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ BA

- **Nguyên nhân**
- Sau những năm 70 của TK XX đã xuất hiện:
 1. Quá tải,
 2. Bằng cấp cao nhưng thất nghiệp,
 3. Thiếu động lực dạy và học,
 4. Mất hài hoà giữa cuộc sống cá nhân và xã hội
 5. Tệ nạn xã hội tăng, tiêu cực trong học đường tăng...

- **4 cột trụ của việc học ở TK 21:**

1. Học để biết,
2. Học để làm,
3. Học cùng chung sống, học cách sống với người khác,
4. Học để tự khẳng định mình.

- **Thay đổi mục tiêu giáo dục,**
- **Đổi mới nội dung, phương pháp, phương tiện giáo dục**
- **Xã hội hoá giáo dục**
- **Quốc tế hoá GD**

MỤC TIÊU CỦA CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Mục đích được hiểu là sự hình dung trước kết quả của hoạt động.

Mục tiêu được hiểu là cụ thể hóa của mục đích; hình dung mục đích theo các giai đoạn, cấp độ, phạm vi, mức độ nhất định.

- Mục tiêu cải cách giáo dục thường được phân chia thành 3 tầng: **vĩ mô, trung mô và vi mô.**
- J.B.Macdonald chỉ ra rằng: mục tiêu GD ở bất kì tầng nào đều có công năng chung là thông qua làm rõ MT để đề xuất nội dung, phương pháp và là chuẩn để đánh giá kết quả GD:
 1. Xác định rõ phương hướng phát triển GD;
 2. Lựa chọn kinh nghiệm GD lý tưởng;
 3. Giới hạn phạm vi của kế hoạch GD;
 4. Nêu rõ yếu điểm của kế hoạch GD;
 5. Trở thành cơ sở quan trọng để bình giá.

- Nhật Bản xác định mục tiêu cơ bản của CCGD là:
 1. Dự đoán tư tưởng cơ bản của nền giáo dục TK XXI;
 2. Xóa bỏ tệ nạn xã hội;
 3. Xây dựng hệ thống cơ cấu GD suốt đời;
 4. Nâng cao chất lượng GD cao cấp và phát huy đặc tính của nó;
 5. Tăng cường GD phổ thông;
 6. Nâng cao trình độ nhà GD;
 7. Thực hiện quốc tế hóa nền GD;
 8. Thông tin hóa nền GD;
 9. Xem xét đánh giá lại hành chính GD và tài chính GD

Mục tiêu GD

1. Nâng cao dân trí;
2. Đào tạo nhân lực;
3. Bồi dưỡng nhân tài.

CÁC LOẠI MỤC TIÊU

1. CHIẾN LƯỢC
2. TÁC NGHIỆP

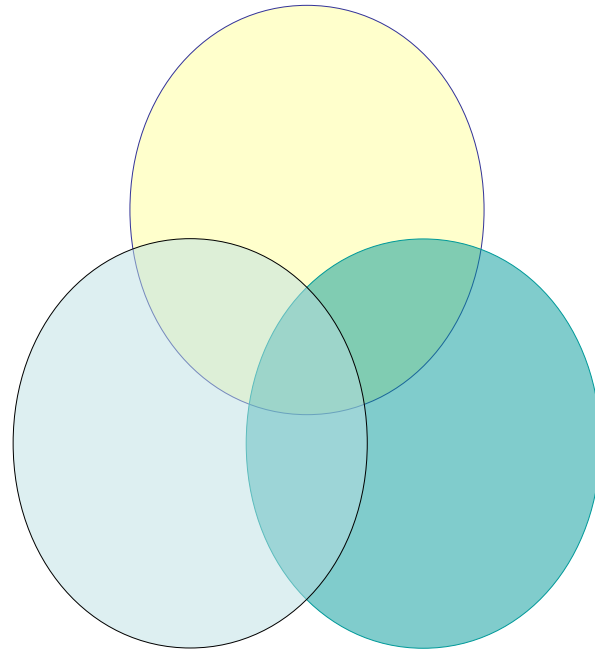
- SỐ LƯỢNG
- CHẤT LƯỢNG
- CƠ CẤU
- THỂ CHẾ

1. Mục tiêu về số lượng

- Số lượng người học (dân trí, nhân lực, nhân tài);
- Số lượng trường lớp (các cấp, bậc học, loại hình trường lớp);
- Số lượng người dạy;
- Tài lực, vật lực;
- ...

2.MỤC TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG

KIẾN THỨC



KĨ NĂNG

THÁI ĐỘ

Mục tiêu của Nhật Bản hướng tới TK XXI

1. Bồi dưỡng tấm lòng rộng mở và năng lực sáng tạo phong phú;
2. Bồi dưỡng tinh thần tự chủ, tự khép mình vào nề nếp;
3. Đào tạo con người NB tài giỏi trong công việc quốc tế;

3. Mục tiêu về cơ cấu

- Các kiểu chế độ giáo dục;
- Cơ cấu loại hình trường, lớp;
- Cơ cấu môn học, ngành học;
- Cơ cấu vùng;

HỆ THỐNG CHUẨN PHÂN LOẠI GIÁO DỤC QUỐC TẾ CỦA UNESCO

1. Gd tiền học đường
2. Gd tiểu học
3. Gd trung học cơ sở
4. Gd trung học phổ thông
5. Gd sau trung học
6. Gd cao đẳng, đại học giai đoạn 1
7. Gd CĐ, ĐH giai đoạn 2

GIÁO DỤC TIỀN HỌC ĐƯỜNG (O)

- Thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi.
- Hoạt động chủ đạo là chơi.
- Đội ngũ giáo viên cũng cần được đào tạo.
- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Tổ chức tập trung.
- Có chương trình phù hợp

GIÁO DỤC TIỂU HỌC (1)

- Bậc học phổ cập (5-6 năm).
- Hoạt động chủ đạo là học.
- Đội ngũ giáo viên có trình độ ít nhất là tốt nghiệp trung học sư phạm.
- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục toàn diện.
- Tổ chức tập trung.
- Có chương trình và sách giáo khoa phù hợp

GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ (2)

- bậc học phổ cập (3-4 năm).
- Hoạt động chủ đạo là học.
- Đội ngũ giáo viên có trình độ ít nhất là tốt nghiệp cao đẳng sư phạm.
- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục toàn diện.
- Tổ chức tập trung.
- Có chương trình và sách giáo khoa phù hợp

GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (3)

- Thu nhận SV có bằng tốt nghiệp THCS (3 năm).
- Hoạt động chủ đạo là học.
- Đội ngũ giáo viên có trình độ ít nhất là tốt nghiệp đại học sư phạm.
- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục toàn diện và hướng nghiệp.
- Tổ chức tập trung.
- Có chương trình và sách giáo khoa phù hợp

GIÁO DỤC SAU TRUNG HỌC NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ CĐ,ĐH

- Thu nhận HS tốt nghiệp THPT
- Chương trình đào tạo đứng giữa giáo dục THPT và giáo dục CĐ,ĐH
- Thời gian học từ 1-2-3-4 năm
- Tập trung đào tạo năng lực hoạt động nghề nghiệp
- Bộ GD-ĐT phối hợp với các Bộ chuyên ngành quy định chương trình khung.

4. Mục tiêu về thể chế

- Xác định tư cách tự chủ của nhà trường;
- Hành chính giáo dục
- Điều tiết thị trường;
- Điều tiết xã hội;
- Phi tập trung hóa;
- Đa dạng hóa;
- Tăng cường tính lợi ích.

CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MỤC TIÊU

- **CÁC NGUỒN LỰC**
 1. NHÂN LỰC
 2. VẬT LỰC, PHƯƠNG TIỆN
 3. TÀI LỰC
- **KẾ HOẠCH**
 1. DÀI HẠN
 2. TRUNG HẠN
 3. NGẮN HẠN
- **HOẠT ĐỘNG**
- **Ý CHÍ, NGHỊ LỰC**
- **HỖ TRỢ**

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GD

- NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA, GIÁO TRÌNH;
- CHỌN LỰA NỘI DUNG GD;
- XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH;

1.NỘI DUNG

4 thành phần

2.CHƯƠNG TRÌNH

Xây dựng, thay đổi, điều chỉnh, thực hiện,
đánh giá

3.SÁCH GIÁO KHOA, GIÁO TRÌNH

Biên soạn, sử dụng, phương tiện hỗ trợ

NỘI DUNG GIÁO DỤC

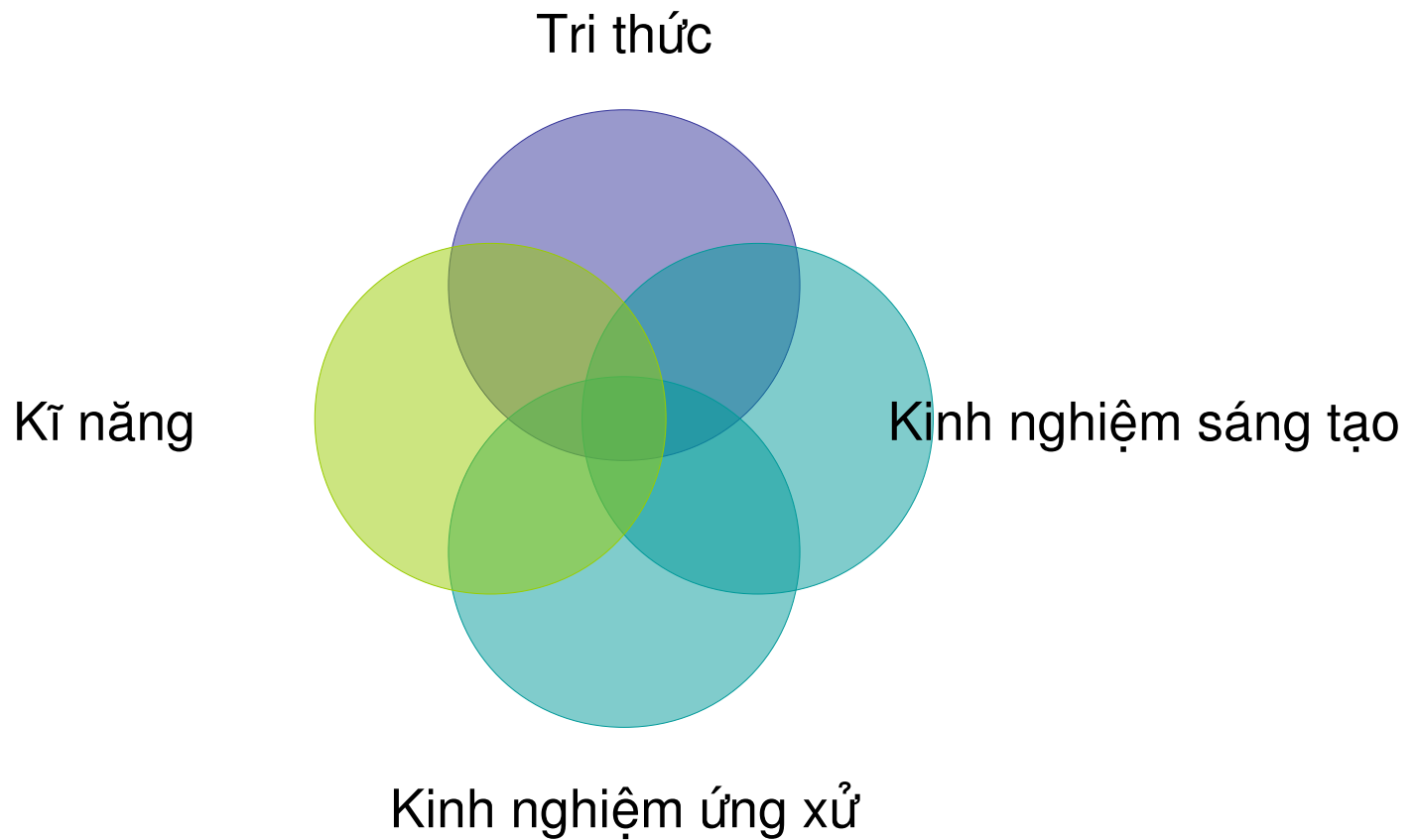
- Thành phần:
 1. Hệ thống tri thức
 2. Hệ thống kĩ năng
 3. Kinh nghiệm hoạt động sáng tạo
 4. Kinh nghiệm ứng xử
- Chọn lựa

1. Khoa học tương ứng

A \longrightarrow α \longrightarrow HS \longrightarrow

2. Trình độ, đặc điểm HS và đặc thù vùng miền

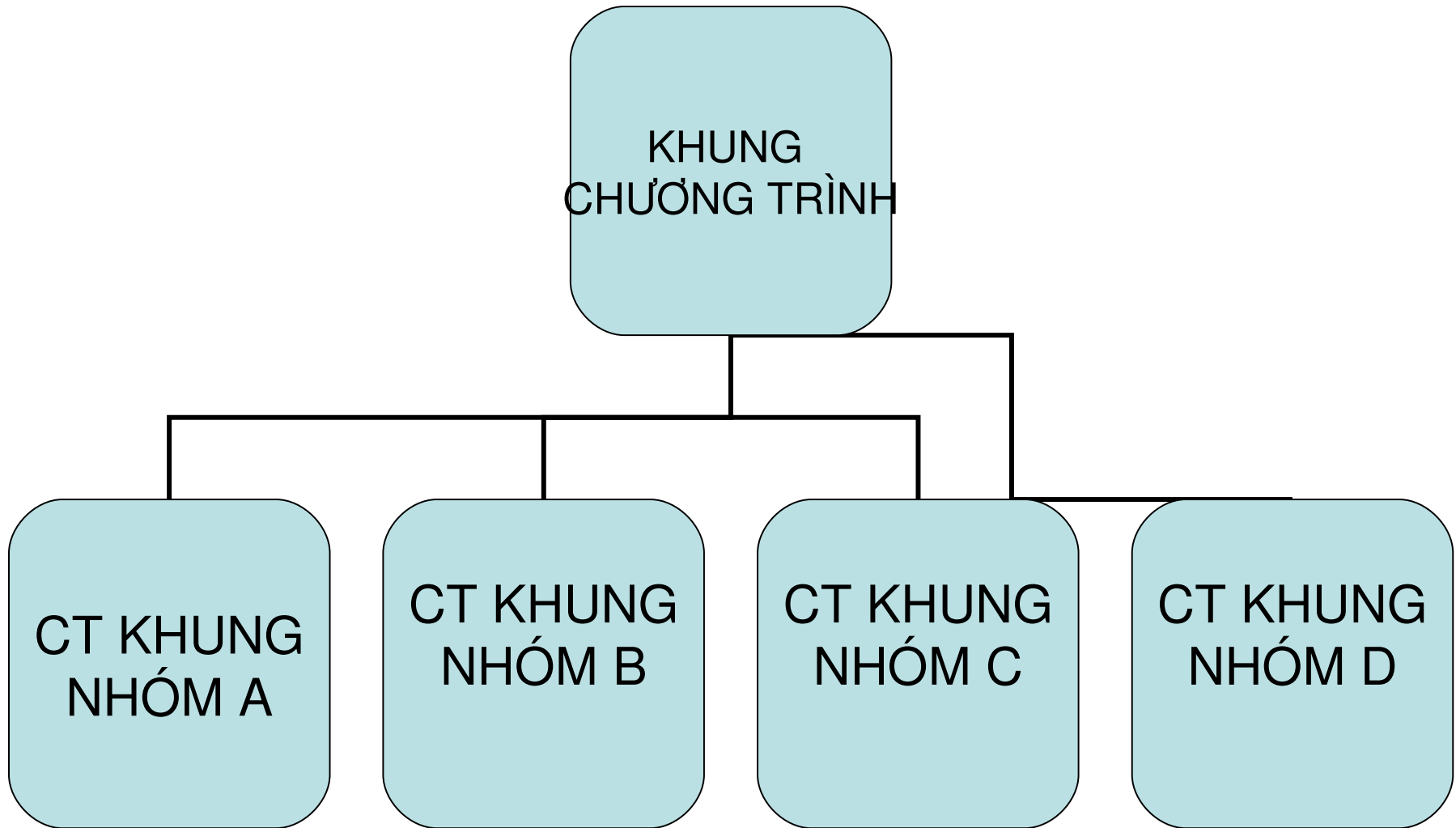
CÁC THÀNH PHẦN của NDDH



YÊU CẦU

TRI THỨC	KĨ NĂNG	SÁNG TẠO	ỨNG XỬ
Hiện đại	Đúng	Tương tự	Đúng mực
Phù hợp	Thành thạo	Phát hiện	Phù hợp
Đáp ứng	Chính xác	Thêm vào	Nhạy cảm
Vừa sức	Kiểm soát được	Phê phán	Hoà đồng
Toàn diện	Tốc độ	Tưởng tượng	Khéo léo
Hệ thống	Linh hoạt	Dự đoán	Tự tin
Quốc tế	Thói quen	Thay đổi	Chủ động

CHƯƠNG TRÌNH



Chương trình DH

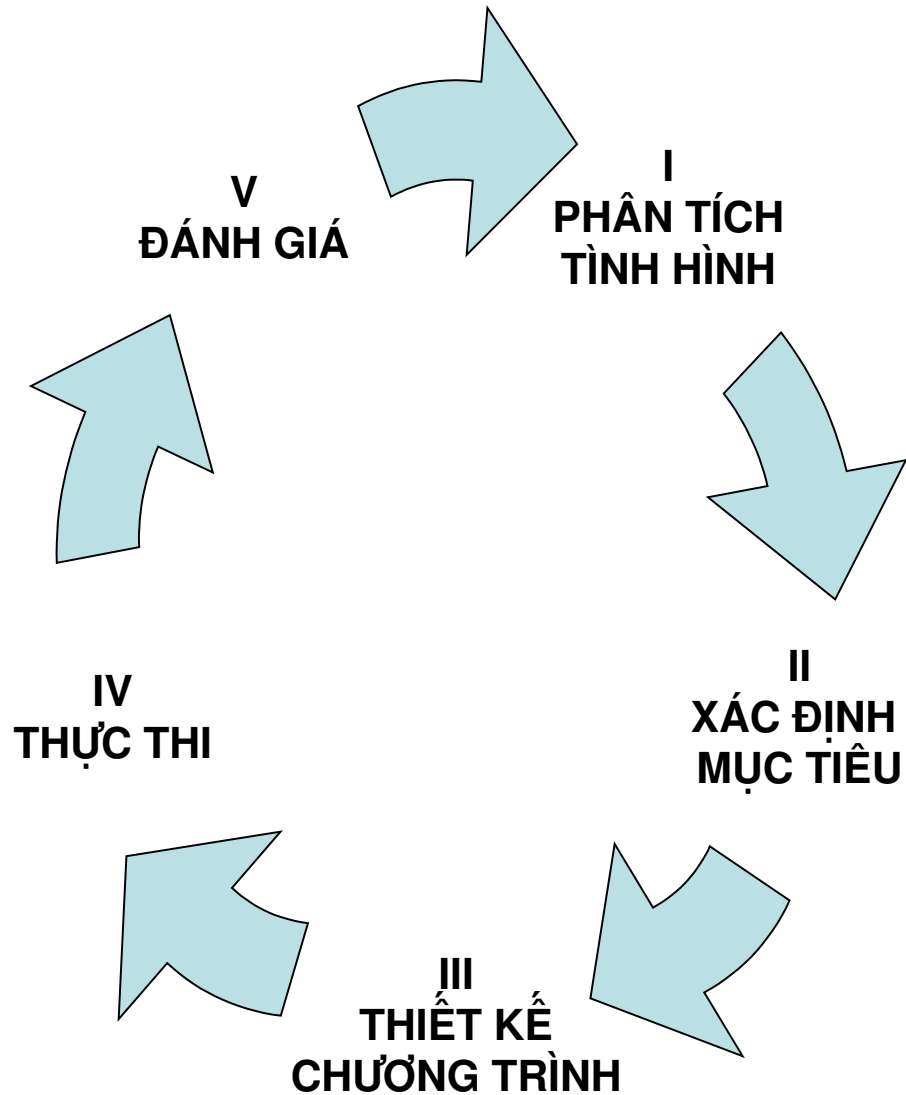
- Chương trình DH là một bản thiết kế tổng thể cho hoạt động DH; cho ta biết toàn bộ nội dung cần DH, chỉ rõ những trông đợi ở người học sau khoá học (kết quả), phác thảo quy trình cần thiết để thực hiện nội dung DH, phương pháp DH và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ

- Có 3 cách tiếp cận xây dựng chương trình DH
 1. Cách tiếp cận nội dung: chú trọng khối lượng thông tin, nội dung truyền đạt và lĩnh hội
 2. Cách tiếp cận mục tiêu: căn cứ vào mục tiêu (đầu ra), thay đổi nhân cách người học để xây dựng chương trình; chú trọng kết quả đạt được về nhận thức, kĩ năng, thái độ của người học sau khi kết thúc khóa học.
 3. Cách tiếp cận phát triển (quá trình): phát triển con người, khơi dậy tiềm năng, tính chủ động, tự học của người học; thầy giáo là người cố vấn, hướng dẫn

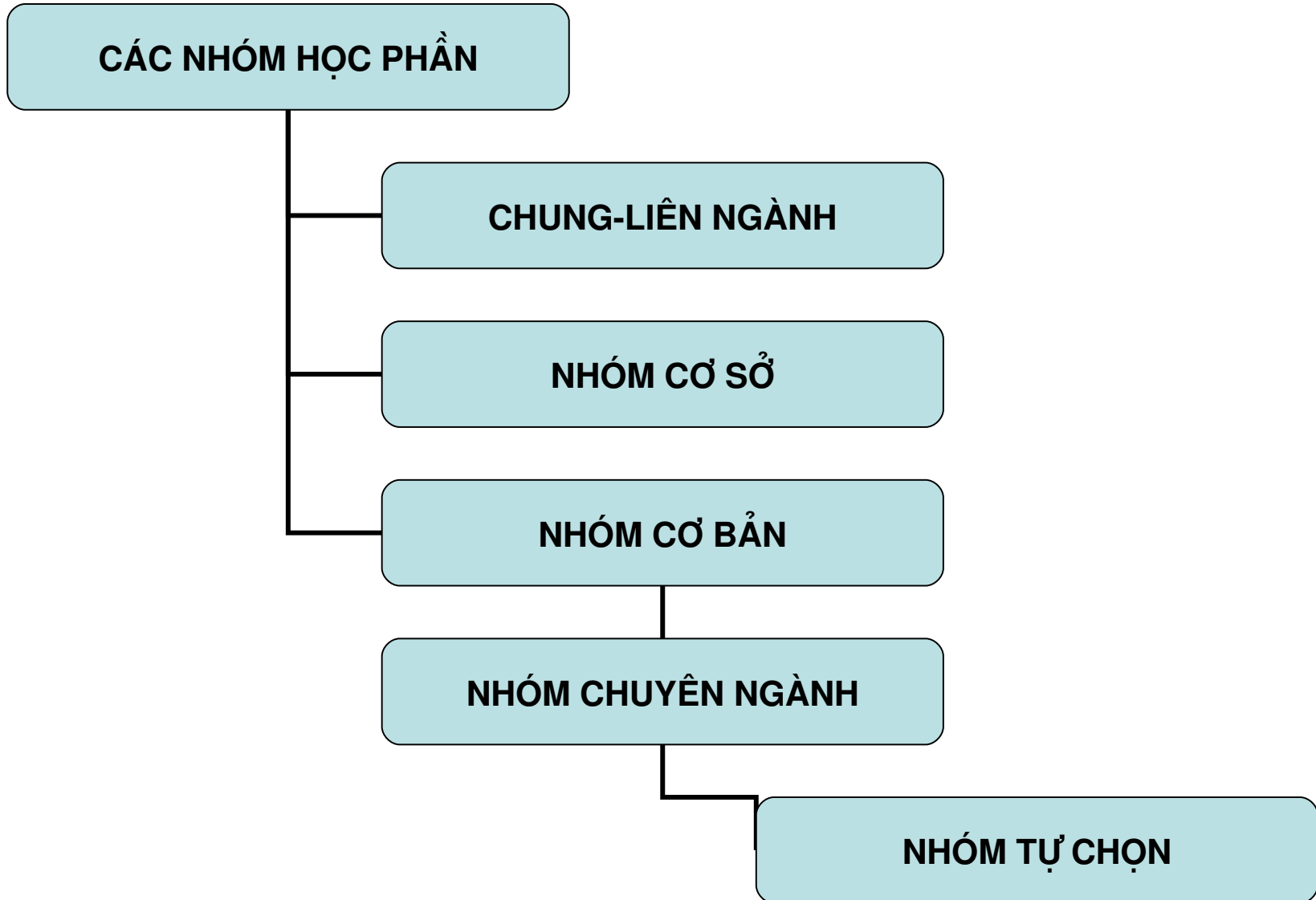
Hiện nay, xu hướng xây dựng chương trình theo hướng tiếp cận mục tiêu và phát triển được coi trọng

- Khung chương trình là văn bản quy định khối lượng tối thiểu và cơ cấu kiến thức cho các chương trình DH theo trình độ người học khác nhau.
- Chương trình khung là văn bản quy định chương trình cho từng ngành, khối lớp, bậc học; trong đó quy định cơ cấu môn học, thời gian thực hiện.
- Chương trình giảng dạy xác định mục tiêu, nội dung, phân bố thời lượng, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của một môn học

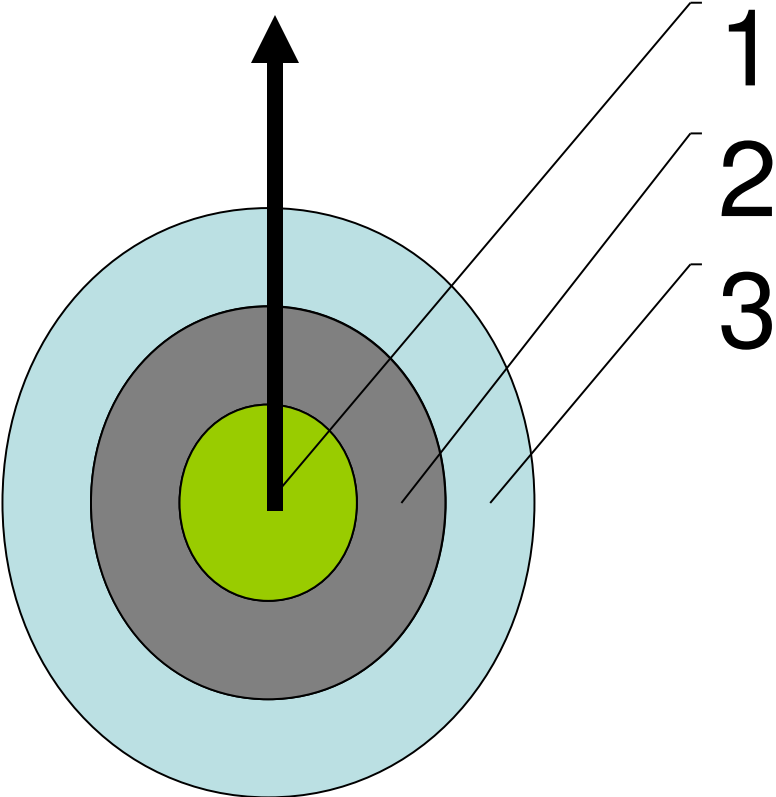
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC



CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT



CHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG TÂM VÀ ĐƯỜNG THẲNG



XU HƯỚNG THAY ĐỔI NDGD

- PHÂN HÓA, CÁ THỂ HÓA
- TÍCH HỢP
- MỀM HÓA
- KẾT HỢP
- ĐA DẠNG HÓA
- HIỆN ĐẠI HOÁ
- QUỐC TẾ HOÁ
- VIỆT NAM HÓA

ĐỔI MỚI PPDH

VÌ SAO ĐỔI MỚI?

1. MỤC TIÊU DH THAY ĐỔI
2. CHƯƠNG TRÌNH DH THAY ĐỔI
3. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ DH
4. ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG TIỆN THAY ĐỔI

XU HƯỚNG ĐỔI MỚI?

1. CẢI TIẾN CÁC PPDH TRUYỀN THỐNG,
2. THỬ NGHIỆM CÁC PPDH MỚI,
3. SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN DH HIỆN ĐẠI,
4. TĂNG CƯỜNG TỰ HỌC,
5. PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA NGƯỜI DẠY

Những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới phương pháp dạy học

Cơ sở lý luận

Một số quan điểm tiếp cận trong đổi mới phương pháp dạy học

- a. Tiếp cận hoạt động - nhân cách;*
- b. Tiếp cận hệ thống - cấu trúc;*
- c. Tiếp cận giá trị.*

Những cơ sở thực tiễn

1. Sự phát triển của KH-CN trong thời đại ngày nay và những yêu cầu mới về phát triển KT-XH

2. Với sự phát triển của KH-CN hiện đại đã mở ra những khả năng và điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại vào quá trình dạy học.

3. Các PPDH truyền thống có những ưu điểm nhất định, nhưng với những yêu cầu mới về phát triển nhân cách cho người học hiện nay thì còn có những nhược điểm cơ bản cần khắc phục

Thầy giáo với việc đổi mới PPDH

1. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của thầy giáo trong việc lựa chọn và sử dụng PPDH
 - Tác động vào nhận thức, thái độ
 - Tạo động lực
 - Tạo điều kiện
 - Khẳng định giá trị
2. Tổ chức thao giảng, dự giờ, trao đổi
3. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, chuyên đề
4. Khuyến khích và tăng cường khả năng tự nghiên cứu
5. Thi đua
6. Thay đổi phương tiện dạy học
7. Phối hợp và thay đổi các mối quan hệ

Người học với việc đổi mới PPDH

1. Thay đổi nhận thức về việc học
2. Dạy cách học
3. Xây dựng tập thể lớp học
4. Tổ chức và quản lí hoạt động học
5. Tạo điều kiện cho việc học
6. Phối hợp quản lí hoạt động học